

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/KDTM-ST  
Ngày: 28-7-2025  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Phạm Ngọc Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Tổng Văn Tâm

Ông Nguyễn Văn Thảo

**- Thư ký phiên tòa:** bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 69/2025/TLST-KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2025/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn C

Địa chỉ: thửa đất số 135, tờ bản đồ số 43, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: ông Phan Đình T, sinh năm 1990; địa chỉ: số C khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07/5/2025). (có mặt)

**- Bị đơn:** Công ty TNHH G

Địa chỉ: thửa đất số 84, tờ bản đồ số 37, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: ông Thạch Mắt K, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, Thành phố Cần Thơ), là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc). (vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Nguyên đơn trình bày:*

Ngày 15/02/2022, Công ty trách nhiệm hữu hạn C (sau đây viết tắt là Công ty C) và Công ty TNHH G (sau đây viết tắt là Công ty G) có ký kết Hợp đồng mua bán số 03/QV/GH-2022. Nội dung cơ bản của Hợp đồng quy định như sau: Công ty C bán cho Công ty G là các loại hóa chất của ngành sơn, sơn sắt, sơn gỗ: Epoxy, PU, NC và sơn nước trong nhà, ngoài trời; chi tiết về đơn hàng sẽ được chỉ rõ trong từng đơn đặt hàng; Giao nhận hàng hóa: Hàng hóa có thể giao 1 lần hoặc nhiều lần tùy thuộc vào số lượng hàng hóa và thỏa thuận giữa hai bên; Giao hàng: Kể từ khi nhận đơn hàng từ 03 đến 05 ngày mới giao hàng; Bằng chứng giao hàng gồm có: Hóa đơn GTGT bán hàng hợp lệ; Phiếu giao hàng của Bên bán: Ghi rõ số lượng giao hàng cụ thể.

Thời hạn thanh toán: 30 ngày sau thanh toán tính từ ngày chốt công nợ. Bên bán phải cung cấp đầy đủ hóa đơn chứng từ cho bên mua. Nếu bên mua chậm tiến độ thanh toán, thì bên bán ngừng cung cấp sơn và đồng thời bên mua phải chịu bồi thường cho bên bán theo mức lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng N tính từ ngày hết hạn thanh toán cho đến ngày thực hiện xong việc thanh toán.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty C đã nhiều lần giao hàng theo các đơn đặt hàng của Công ty G, đồng thời xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho các đơn đã giao. Tuy nhiên đến nay, Công ty G vẫn chưa hoàn thành đúng nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C cụ thể như sau:

Số hóa đơn: 000108 ngày 25/3/2022 với số tiền 455.618.350đồng (tiền mua sơn tháng 3/2022), Công ty G đã thanh toán số tiền 200.000.000đồng còn lại chưa thanh toán số tiền 255.618.350đồng.

Số hóa đơn 0000131 ngày 26/4/2022 với số tiền 512.525.750đồng (tiền mua sơn tháng 4/2022), Công ty G chưa thanh toán.

Số hóa đơn 0000152 ngày 28/5/2022 với số tiền 456.178.800đồng (tiền mua sơn tháng 5/2022), Công ty G chưa thanh toán.

Ngày 21/06/2022, Công ty C đã gửi thông báo yêu cầu công ty G thanh toán số tiền còn nợ như trên, Công ty G cam kết từ tháng 07/2022 sẽ thanh toán hàng tháng từ 150.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 1.224.322.900 đồng.

Tuy nhiên, sau khi cam kết, Công ty G tiếp tục không thực hiện đúng thỏa thuận. Từ tháng 07/2022 đến nay, Công ty G chỉ thanh toán thêm được 250.000.000 đồng, lần thanh toán gần nhất vào ngày 15/5/2023, dư nợ gốc còn lại là 974.322.900 đồng.

Sau đó, Công ty C đã nhiều lần yêu cầu Công ty G tiếp tục thanh toán số nợ còn lại nhưng không nhận được sự hợp tác từ phía Công ty G, cố tình kéo dài thời gian và không có ý định thanh toán công nợ cho Công ty C.

Hành vi trên của Công ty G đã vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng và thỏa thuận của các bên, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty C.

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty C đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: buộc Công ty G thanh toán tổng số tiền 1.169.500.941 đồng, bao gồm nợ gốc là 974.322.900 đồng, lãi chậm thanh toán là 195.131.518 đồng. Tiền lãi chậm thanh toán được tính là 10%/năm trên số tiền gốc chậm thanh toán tính từ ngày 15/5/2023 đến ngày 15/5/2025 là  $974.322.900 \text{ đồng} \times 731 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 195.131.518 \text{ đồng}$ .

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty G theo đúng quy định pháp luật nhưng đại diện Công ty G không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty G thanh toán cho Công ty C tổng số tiền 1.188.987.546 đồng, bao gồm nợ gốc là 974.322.900 đồng, lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm là 214.617.976 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty G thanh toán tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa là các loại hóa chất của ngành sơn, sơn sắt, sơn gỗ: Epoxy, PU, NC và sơn nước trong nhà, ngoài trời. Bị đơn Công ty G có trụ sở tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là loại việc về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh).

[2] Bị đơn Công ty G đã được tổng đạt đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm với số tiền 214.617.976đồng. Xét thấy, tại đơn khởi kiện, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 15/5/2023 đến ngày 15/5/2025 với mức lãi suất là 10%/năm với số tiền 195.131.518đồng. Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn cũng không có yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với bị đơn. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về số tiền nợ gốc: xét thấy, giữa Công ty C và Công ty G có quan hệ mua bán theo Hợp đồng mua bán số 03/QV/GH-2022 ngày 15/02/2022. Theo đó, bên bán là Công ty C bán hàng hóa là các loại hóa chất của ngành sơn, sơn sắt, sơn gỗ: Epoxy, PU, NC và sơn nước trong nhà, ngoài trời cho Công ty G. Công ty C đã giao hàng cho Công ty G và đã xuất các hoá đơn số 108 ngày 25/3/2022, 131 ngày 26/4/2022, 152 ngày 28/5/2022 với tổng số tiền là 1.424.322.900 đồng. Công ty G đã thanh toán cho Công ty C số tiền 200.000.000đồng vào ngày 08/6/2022. Ngày 21/6/2022, Công ty G đã xác nhận tại Thông báo thanh toán công nợ của Công ty C với số tiền còn nợ là 1.224.322.900 đồng và cam kết thanh toán công nợ còn lại. Tuy nhiên, Công ty G chỉ thanh toán được số tiền 250.000.000đồng, số tiền còn nợ là 974.322.900 đồng. Việc Công ty G không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại 2005. Do đó, nguyên đơn Công ty C khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty G thanh toán số tiền còn nợ 974.322.900 đồng là có cơ sở.

[4.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi: Công ty C yêu cầu Công ty G thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 15/5/2023 đến ngày 15/5/2025 với số tiền 195.131.518đồng. Tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Như đã phân tích ở phần trên, do Công ty G vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc Công ty C yêu cầu Công ty G phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả là có cơ sở. Xét thấy, tại thời điểm xét xử (ngày 28/7/2025) mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 14,07%/năm (mức lãi suất nợ quá hạn tại Ngân hàng TMCP Đ là 11,76%/năm, tại Ngân hàng TMCP S là 16,95%/năm, tại Ngân

hàng N1 là 13,5%/năm). Do đó, việc Công ty C yêu cầu Công ty G thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm với số tiền 195.131.518 đồng là phù hợp và có lợi hơn cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn Công ty G phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 1.169.500.941 đồng, tương đương số tiền án phí: 47.085.028 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 227, 228, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, 55, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn C đối với bị đơn Công ty TNHH G về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH G có trách nhiệm thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn C tổng số tiền 1.169.500.941 đồng (Một tỷ một trăm sáu mươi chín triệu năm trăm nghìn chín trăm bốn mươi một đồng), gồm có nợ gốc 974.322.900 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 195.131.518 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH G phải nộp số tiền 47.085.028 đồng (Bốn mươi bảy triệu không trăm tám mươi lăm nghìn không trăm hai mươi tám đồng). Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn C số tiền 23.542.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002534 ngày 25/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Trung**